

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÔN NGỮ ANH

Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh

Trình độ đào tạo : Đại học

Mã ngành : 7220201

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	Lớp định hướng áp dụng
7220201.01	Tiếng Anh thương mại và du lịch	Chính quy 2023
7220201.02	Quản trị học	Chính quy 2023

(Ban hành theo Quyết định số 302A/QĐ-ĐHTBD ngày 18/9/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)

Khánh Hòa, 2023

MỤC LỤC

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH.....	2
2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương	2
2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương.....	2
2.3. Căn cứ pháp lý	3
2.4. Căn cứ thực tiễn	3
PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP.....	4
3.1. Mục tiêu đào tạo.....	4
3.2. Chuẩn đầu ra	4
3.3. Cơ hội nghề nghiệp	5
PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP.....	5
4.1. Tiêu chí tuyển sinh	5
4.2. Tổ chức đào tạo	5
4.3. Điều kiện tốt nghiệp	7
PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO.....	8
5.1. Cấu trúc chương trình	8
5.2. Danh mục môn học	8
5.3. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	11
PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình	13
6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác	14
PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN	15
7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu	15
7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	17

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu, hiện diện trong mọi lĩnh vực đời sống, và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tất cả các ngành nghề từ thương mại, kinh doanh cho đến hợp tác quốc tế. Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại ĐH Thái Bình Dương trao cho sinh viên cơ hội được học trực tiếp với giảng viên người bản xứ và giảng viên có nhiều năm tu nghiệp tại nước ngoài trong nhiều môn chuyên ngành.

Một mặt, sinh viên được đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, tìm hiểu về văn hóa Anh - Mỹ và các nước nói tiếng Anh, được “sống” và học tập trong môi trường đa văn hóa với các hoạt động giáo dục đa dạng như: xử lý tình huống giả định, phân tích ví dụ điển hình, thực hành thông qua dự án và làm đồ án nhóm. Thông qua đó, sinh viên sẽ hoàn thiện kiến thức chuyên môn và các kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 để giao tiếp tự tin với người nước ngoài và làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế hóa.

Mặt khác, chương trình học đề cao tính ứng dụng và thực tế, thông qua việc cập nhật các xu hướng mới, lồng ghép các vấn đề nổi bật trong xã hội vào các hoạt động giảng dạy trên lớp.

Chương trình Ngôn ngữ Anh bao gồm hai chuyên ngành: Tiếng Anh Thương mại - Du lịch và Quản trị học.

Sinh viên được lựa chọn một trong hai chuyên ngành trên để theo học và ngay từ năm thứ nhất, sinh viên đã bắt đầu được tư vấn để có định hướng phù hợp với bản thân. Nhờ đó, sinh viên có quá trình học hỏi và tìm hiểu sâu về ngành học, đảm bảo sẵn sàng làm việc khi tốt nghiệp, nâng cao cơ hội nghề nghiệp.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

a) Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh

- Tên tiếng Anh : English Language
- Mã ngành cấp 4 : 7220201
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Loại hình đào tạo : Chính quy
- Loại văn bằng : Cử nhân
- Thời gian đào tạo : 3,5 năm
- Tổng số tín chỉ : 130 tín chỉ¹

b) Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Thái Bình Dương

c) Đơn vị tổ chức giảng dạy: Bộ môn Tiếng Anh-Viện Đào tạo Quốc tế

¹ Trong đó đã bao gồm 9 tín chỉ không tính vào điểm trung bình chung gồm các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương

a) **Tầm nhìn:** Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liêm chính, chuẩn mực quốc tế.

b) **Sứ mệnh:** Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

c) **Giá trị cốt lõi:** Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động.
Tự do học thuật	Ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu.
Tôn trọng sự khác biệt	Ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lễ phải, công bằng và đạo lý.
Trách nhiệm	Sự tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động.
Cách tân	Ủng hộ giải pháp sáng tạo.
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động.

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương

“THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THÁU CẢM”

a) **Thực học:** Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) **Toàn diện:** Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dân thân xã hội.

c) **Trao quyền:** Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) **Tương tác:** Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) **Thấu cảm:** Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

2.3. Căn cứ pháp lý

a) Văn bản pháp luật của nhà nước

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục);

- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 289/QĐ-ĐHTBD ngày 6/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

2.4. Căn cứ thực tiễn

- Ngôn ngữ Anh ngày nay đã trở thành một phần tất yếu của cuộc sống và công việc toàn cầu. Trong một môi trường với nhu cầu quốc tế hóa ngày càng cao và tiếng Anh được sử dụng làm ngôn ngữ giao tiếp chính thức trong công việc ở hầu hết các ngành nghề và tại hầu hết các quốc gia trên thế giới thì khả năng sử dụng tiếng Anh đã trở thành một nhu cầu thiết yếu cho mỗi công dân trong thế giới toàn cầu này.

- Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp trong nước đang nỗ lực không ngừng để nâng cao trình độ tiếng Anh của cán bộ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu công việc với các đối tác nước ngoài và giúp doanh nghiệp Việt vươn ra thế giới.

- Qua quá trình thực hiện các chương trình đào tạo (CTĐT) trước đây kết hợp với những đúc kết trải nghiệm của cựu sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh (NNA), tổ chuyên môn ngôn ngữ Anh tại đại học Thái Bình Dương đã không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng và cập nhật chương trình đào tạo để ngày càng đáp ứng được sát sao nhu cầu thực tiễn và yêu cầu của xã hội.

Dựa trên những căn cứ đó, CTĐT ngành NNA 2023 của ĐH Thái Bình Dương được xây dựng để không chỉ giúp sinh viên phát triển khả năng về ngôn ngữ mà còn gắn ngôn ngữ với những định hướng thực tiễn ngành cụ thể để có thể sẵn sàng làm những công việc đang có nhu cầu cao trong xã hội.

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

3.1. Mục tiêu đào tạo

Với đội ngũ giảng viên người Việt và người bản xứ với nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy tiếng Anh, sinh viên sẽ nâng cao trình độ tiếng Anh, hoàn thiện kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ Anh và tự tin giao tiếp với người nước ngoài. Sinh viên được học thông qua “trải nghiệm” với các hoạt động giáo dục đa dạng, ví dụ xử lý tình huống giả định, làm việc nhóm và phân tích ví dụ điển hình. Đề cao tính ứng dụng và thực tế, thông qua việc cập nhật các xu hướng mới và lồng ghép các vấn đề nổi bật trong xã hội vào các hoạt động giảng dạy trên lớp, ngành Ngôn Ngữ Anh tại Đại học Thái Bình Dương cung cấp kiến thức thực tiễn cho sinh viên về ngành nghề đã chọn, giúp sinh viên làm việc hiệu quả và thành công trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Chuyên môn sâu: Sinh viên khám phá các học phần chuyên ngành kết hợp ứng dụng vào thực tiễn việc làm thông qua các đề án, hoạt động thực hành tích hợp, các kỳ thực tập, các chuyên đề với chuyên gia trong nước và quốc tế.

Nền tảng rộng: Sinh viên rèn luyện liên tục các nhóm kiến thức và năng lực sau:

- Kiến thức tổng quát về con người, xã hội và tự nhiên
- Kỹ năng thực hành và năng lực trí tuệ
- Trách nhiệm cá nhân và đạo đức xã hội
- Thích nghi thực tiễn
- Ngoại ngữ

3.2. Chuẩn đầu ra

TT	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1	Sử dụng lưu loát các kỹ năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt trình độ tương đương IELTS 6.5.
PLO2	Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh (ví dụ như cú pháp học, ngữ âm học và âm vị học) vào đời sống và công việc.
PLO3	Áp dụng linh hoạt kiến thức về khoa học xã hội và ngôn ngữ ứng dụng phục vụ cho đời sống và công việc.
PLO4	Phát triển tư duy về mặt ngôn ngữ và kỹ năng công dân toàn cầu, thích nghi với môi trường làm việc trong và ngoài nước.
PLO5	Nắm rõ kiến thức cơ bản về ngành và biết các phương pháp ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế.
PLO6	Thực hiện được các kỹ năng quan trọng trong từng định hướng ngành đã chọn.

PLO7	Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.
PLO8	Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.
PLO9	Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dấn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại.

3.3. Cơ hội nghề nghiệp

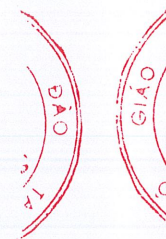
Tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh với một trong hai chuyên ngành nêu trên, cử nhân ngành ngôn ngữ Anh trường Đại học Thái Bình Dương sẽ có cơ hội làm việc ở trong các lĩnh vực và vị trí nghề nghiệp tương ứng dưới đây:

❖ Lĩnh vực nghề nghiệp

- Giáo dục
- Kinh doanh
- Nhà hàng- Khách sạn

❖ Vị trí nghề nghiệp

- Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng khách sạn;
- Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu, trợ giảng tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ, gia sư tiếng Anh tại nhà;
- Tư vấn tại trung tâm ngoại ngữ, trung tâm hỗ trợ dịch vụ du học, đại học quốc tế;
- Biên dịch viên, phiên dịch viên trong các doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế;
- Nhân viên tại văn phòng đại diện của các tập đoàn/ công ty nước ngoài tại Việt Nam;
- Thư ký, trợ lý trong các công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia;
- Hoặc sinh viên có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.



PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

4.1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.2. Tổ chức đào tạo

a) Thời gian đào tạo: Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 3,5 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 11 học kỳ.

b) Phân đoạn đào tạo

GIAI ĐOẠN	MÔ TẢ
Khai phóng tiềm năng	Phát triển năng lực toàn diện và thông minh cảm xúc, đánh giá được năng lực và kỹ năng nổi bật của bản thân, hiểu biết cơ bản kiến thức ngành học.
Khám phá ngành nghề	Hiểu rõ đam mê, điểm mạnh và lợi thế của bản thân trong định hướng nghề nghiệp với sự hỗ trợ của những giảng viên nhiều kinh nghiệm.
Phát triển chuyên môn	Tích lũy kiến thức chuyên môn, thực tập và trải nghiệm thực tế, áp dụng kiến thức vào thực tiễn, đào sâu kiến thức chuyên ngành và xác định con đường nghề nghiệp.
Làm chủ bản thân	Tham gia những đề án và dự án thực tế, sẵn sàng dẫn thân, chủ động chiếm lĩnh tri thức, nuôi dưỡng sự sáng tạo, thích ứng nghề nghiệp và tạo đam mê học tập suốt đời.

c) Phương pháp dạy và học

PHÂN NHÓM	GHI CHÚ	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC
Các phương pháp chủ đạo (60%)	Được áp dụng phổ rộng trong nhiều môn học và xuyên suốt cả quá trình đào tạo	Học qua điển cứu (Case study) Lớp học đảo (Flipped Classroom) Tranh luận, tranh biện (Debate) Phương pháp thuyết giảng (Lecturing)
Các phương pháp bổ trợ (30%)	Tần suất áp dụng thấp hơn do đặc thù của phương pháp nhưng vẫn đóng một vai trò quan trọng hình thành năng lực người học	Phương pháp thực địa (On-site learning) Thực tập (Internship) Học trong quá trình làm/Học từ trải nghiệm (Embedded learning/Work-integrated learning)
Các phương pháp đặc thù (10%)	Chỉ áp dụng được trong một số môn học phù hợp nhất định, có tác dụng bổ khuyết một số năng lực, phẩm chất của người học mà các phương pháp khác còn khiếm khuyết	Học qua dự án (Project-based learning) Học qua phục vụ cộng đồng (Service Learning) Phương pháp đóng vai (Role play) Phương pháp điền dã (Field study) Phương pháp mô phỏng (Simulation) Phương pháp trò chơi hóa (Gamification)

d) Phương pháp đánh giá

Đối với môn học từ 2 tín chỉ trở lên, sinh viên được đánh giá qua 3 câu phần (từ A1 đến A3). Đối với các môn học có khối lượng nhỏ hơn 2 tín chỉ, có thể chỉ có một câu phần đánh giá. Các câu phần đánh giá được phân bổ thời gian dần trải theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo tính hợp lý, đánh giá thường xuyên liên tục.

(*) **Nguyên tắc chung:** Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.
- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo đề cương dưới dạng phụ lục.

- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.
- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

(*) Các hình thức đánh giá

Các phương pháp đánh giá đa dạng được dùng để đánh giá được các kỹ năng toàn diện của sinh viên, do đó, không chỉ đánh giá kiến thức môn học mà còn đánh giá được cả các kỹ năng phát triển cá nhân, kỹ năng làm việc và học tập khác như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng viết báo cáo... Các phương pháp đánh giá bao gồm:

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	THƯỜNG ÁP DỤNG CHO PHẦN ĐÁNH GIÁ	
	QUÁ TRÌNH	KẾT THÚC MÔN
Đánh giá bài tập (Work Assignment)	X	
Thuyết trình (Oral Presentation)	X	X
Đánh giá hoạt động (Performance Test)	X	
Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	X	
Bài trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	X	X
Bài tự luận tập trung (Paper-based exam room)	X	X
Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		X
Viết báo cáo (Written Report)		X
Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	X	X
Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	X	
Báo cáo khóa luận (Graduation Thesis/ Report)		X

e) Cách tính điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương, ban hành theo Quyết định số 289/QĐ-ĐHTBD ngày 6/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng- An ninh.
- Hoàn thành các môn học Giáo dục thể chất.
- Sinh viên có chuẩn đầu ra tương đương IELTS 6.5.

- Tích lũy đủ 3 tín chỉ môn học Kỹ năng số là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Một số quy định khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 289/QĐ-ĐHTBD ngày 6/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9
1.2.	Ngoại ngữ	18	18	
1.3.	Chính trị	11	11	
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	NGÀNH	71	50	21
2.1.	Cơ sở ngành	27	27	
2.2.	Cốt lõi ngành	23	23	
2.3.	Chuyên ngành	21		21
3.	TỐT NGHIỆP	6		6
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	91	39
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45
4.1.	Song ngành	30		30
4.2.	Ngành phụ	15		15

5.2. Danh mục môn học

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT		53	41	12
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng		15	6	9
1	CNTT109V1	Kỹ năng số		3	
2	LUAT112V1	Pháp luật và quyền con người		3	
3	Sinh viên tự chọn tích lũy 9 tín chỉ các môn học thuộc khối kiến thức và kỹ năng khai phóng (Phụ lục 1).				9
1.2.	Ngoại ngữ		18	18	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
4	TA128E1	English 1		3	
5	TA129E1	English 2		3	
6	TA130E1	English 3		3	
7	TA131E1	English 4		3	
8	TA132E1	English 5		3	
9	TA133E1	English 6		3	
1.3.	Chính trị		11	11	
10	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin		3	
11	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	
12	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	
13	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
14	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	
1.4.	Thể chất và quốc phòng <i>Không tính trung bình chung tích lũy</i>		9	6	3
15	GDTQ147V1	Giáo dục thể chất			3
16	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		6	
2.	NGÀNH		71	50	21
2.1.	Cơ sở ngành		27	27	
17	TA119E1	Listening for Daily Conversations		3	
18	TA120E1	Academic Listening		3	
19	TA121E1	Speaking for Daily Conversations		3	
20	TA122E1	Academic Speaking		3	
21	TA217E1	Public speaking		3	
22	TA123E1	Critical Reading		3	
23	TA124E1	Academic Reading		3	
24	TA125E1	Professional Writing		3	
25	TA134E1	Academic Writing		3	
2.2.	Cốt lõi ngành		23	23	
27	TA210V1	Thực tập nhận thức (Work-integrated learning)		2	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
28	TA202E1	Phonetics and phonology		3	
29	TA203E1	Syntax		3	
30	TA214E1	World Literature in English		3	
31	TA215E1	Intercultural Communication		3	
32	TA208E1	Project 1		3	
33	TA209E1	Project 2		3	
34	TA220E1	English Grammar		3	
2.3.	Chuyên ngành <i>Tùy chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau:</i>		21		
a)	Chuyên ngành 1: Tiếng Anh Thương mại và Du lịch				21
35	TA350E1	Hospitality Skills			3
36	TA349E1	Translation and Interpretation			3
37	TA313E1	On-site and Tour guiding			3
38	TA351E1	English for Tourism and Restaurants			3
39	TA353E1	Multicultural Human Resource Management			3
40	TA354E1	Marketing Content			3
41	TA355E1	Foreign Trade Techniques			3
b)	Chuyên ngành 2: Quản trị học				21
41	TA356E1	Kỹ năng quản trị nhân sự			3
42	TA357E1	Kỹ năng quản trị văn phòng			3
43	TA358E1	Kỹ năng biên tập văn bản			3
44	TA359E1	Kỹ năng đàm phán			3
45	TA360E1	Language and Media			3
46	TA361E1	Translation and Interpretation			3
47	TA362E1	Discourse Analysis			3
3.	TỐT NGHIỆP <i>Sau khi sinh viên hoàn thành tất ít nhất 70% số tín chỉ của CTĐT (84 tín chỉ, không kể tín chỉ GDTC và GDQP), sinh viên có thể đăng ký học phần tốt nghiệp theo MỘT trong hai hướng sau:</i> - Thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ): Ngoài quy định chung về thực tập của trường, báo cáo thực tập tối thiểu 10 trang A4. - Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ): báo cáo khóa luận tối thiểu 30 trang A4.		6		6

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
49	TA401V1	Thực tập tốt nghiệp			6
50	TA402V1	Khóa luận tốt nghiệp			6
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG		45		45
4.1.	Song ngành <i>Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 30 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác theo quy định về các khối kiến thức song ngành của ngành tương ứng (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (không phải bằng đại học thứ 2) (Phụ lục 2).</i>		30		30
4.2.	Ngành phụ <i>Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 15 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác, theo quy định (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (Phụ lục 3).</i>		15		15

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo

Phương châm: Sống cũng là học thông qua Extracurricular activities.

Extracurricular activities (EC) thường được dịch sang tiếng Việt là ‘hoạt động ngoại khóa’, có nghĩa là bên ngoài khóa học, thường bao gồm các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các câu lạc bộ văn thể mỹ, thiện nguyện, v.v. Xác định các hoạt động này ‘bên ngoài khóa học’ là bởi chúng không phải là một phần của chương trình đào tạo hay môn học cụ thể nào, và do đó cũng không đóng góp vào điểm số và kết quả học tập của sinh viên.

Dù không chi phối đến kết quả học tập của sinh viên, EC vẫn có tác động quan trọng vào hình thành năng lực của người học. Để tránh hiểu nhầm rằng EC không có đóng góp gì cho sinh viên, nhà trường không gọi đây là ‘hoạt động ngoại khóa’ đơn thuần, mà coi đó là ‘sự trải nghiệm đời sống sinh viên, sống cũng là học’. Trải nghiệm càng sâu thì học được càng nhiều.

a) Tham gia Đoàn - Hội và phát triển Đảng

Đoàn trường Đại học Thái Bình Dương và Hội Sinh viên Trường là 02 tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên và sinh viên TBD, được hình thành từ những ngày đầu thành lập trường. Qua hơn chục năm phát triển, các tổ chức này đã không ngừng lớn mạnh và tạo lập nhiều hoạt động trải nghiệm làm phong phú đời sống sinh viên. Một số hoạt động nổi bật như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hội trại thường niên, Hội thao thường niên, Liên hoan văn nghệ thường niên.

Trong nhiều năm qua, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường đã luôn chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét và kết nạp.

b) Thể hiện bản thân ở các câu lạc bộ

Trường Đại học Thái Bình Dương tạo điều kiện để phát triển các câu lạc bộ (CLB) sinh viên nhằm đa dạng hóa trải nghiệm đời sống sinh viên. Nhà trường sẵn sàng tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí ban đầu cho các CLB hoạt động. Hiện TBD đã có nhiều CLB hình thành và đi vào hoạt động thiết thực: CLB Nghề Luật, CLB Khởi nghiệp, CLB Tiếng Anh, CLB Guitar, CLB Dancing, các CLB thể thao bộ môn, các CLB thiện nguyện...

Mỗi CLB đều có những nét riêng về định hướng và văn hóa sinh hoạt. Sinh viên chủ động liên hệ thêm để tìm hiểu tham gia. Nhà trường có thể cung cấp một số nét chính về chủ trương như sau: (1) CLB sinh viên là do sinh viên kết nối, thành lập và làm chủ; (2) Nhà trường tạo điều kiện về chính sách, không gian hoạt động và một khoản kinh phí; (3) Đoàn - Hội là đơn vị cầu nối để phát huy những hỗ trợ của trường đến với CLB. Với các CLB cấp trường, Hội Sinh viên Trường có thể ra quyết định thành lập CLB như là một cách để hỗ trợ CLB hình thành ban đầu, tạo cho CLB một chỗ dựa về mặt cơ chế, nhưng vẫn giữ nguyên tắc ‘CLB sinh viên là của sinh viên, do sinh viên chủ động phát triển’; (4) Các Khoa đóng vai trò hỗ trợ thành lập và tạo điều kiện phát triển đối với các CLB gắn liền với chuyên môn Khoa (CLB cấp khoa).

c) Bồi dưỡng văn hóa đọc và nhiều điều khác tại thư viện

Thư viện Đại học Thái Bình Dương là một trung tâm thông tin thân thiện với người dùng, cung cấp môi trường hỗ trợ học tập phù hợp giá trị cốt lõi của nhà trường. Là một không gian phức hợp, bao gồm các khu vực làm việc nhóm, khu vực học tập độc lập và khu vực học tập chung, thư viện là nơi lý tưởng cho người đọc trong các hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Thư viện Đại học Thái Bình Dương còn là nơi tạo cảm hứng và khơi dậy niềm đam mê tìm hiểu, sáng tạo, mở rộng tầm nhìn, đón nhận tích cực, thông qua các hoạt động thường xuyên như nói chuyện, thuyết trình, thảo luận sách, triển lãm, chiếu phim, giới thiệu tác phẩm.

Nhà trường còn chủ trương xây dựng thư viện thành một “không gian tự quản”. Theo đó, thư viện không chỉ mở cửa theo giờ làm việc thông thường, mà còn mở rộng giờ hoạt động tối đa theo nhu cầu của sinh viên, đặc biệt là đối với các sinh viên đang ở ký túc xá. Sinh viên được trao quyền tự quản và sử dụng thư viện trong các giờ mở rộng này. Tùy theo nhu cầu của sinh viên mà thời gian mở rộng sẽ được nói dần, với mục tiêu lâu dài tạo được một thư viện mở cửa 24/7.

d) Tận hưởng đời sống ký túc xá ở TBD Campus Resort

Ký túc xá (KTX) Trường Đại học Thái Bình Dương được bố trí ngay trong khuôn viên nhà trường (on-campus), không phải chỉ vì lý do thuận tiện đi lại, mà vì một tiêu xa hơn. Đó là để xây dựng một cuộc sống “khai phóng” trong KTX. Qua đó, xây dựng những cư dân KTX có năng lực xây dựng mối quan hệ, với trí thông minh cảm xúc, có trách nhiệm cá nhân, và biết quan tâm đến người khác.

e) Thỏa sức đam mê ở Trung tâm Thể dục thể thao TBD

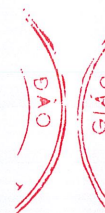
Hiện tại, khu thể thao đa năng đã cung cấp các dịch vụ sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ. Đang tiến tới hoàn thành các hạng mục khác gồm sân tennis, bóng bàn và võ thuật.

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
Giáo dục tổng quát											
1	GDTQ101V1	Triết học Mác-Lê Nin			X				X		X
2	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin			X				X		X
3	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học			X				X		X
4	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh			X				X		X
5	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			X				X		X
6	TA128E1	English 1	X		X	X					
7	TA129E1	English 2	X		X	X					
8	TA130E1	English 3	X		X	X					
9	TA131E1	English 4	X		X	X					
10	TA132E1	English 5	X		X	X					
11	TA133E1	English 6	X		X	X					
12	CNTT109V1	Kỹ năng số				X			X		X
13	LUAT112V1	Pháp luật và quyền con người				X			X	X	X
14		Kiến thức và kỹ năng khai phóng (9 tín chỉ)				X			X	X	X
Cơ sở ngành											
15	TA119E1	Listening for Daily Conversations	X		X	X			X		
16	TA120E1	Academic Listening	X		X	X			X	X	
17	TA121E1	Speaking for Daily Conversations	X		X	X			X		
18	TA122E1	Academic Speaking	X		X	X			X	X	
19	TA217E1	Public Speaking	X		X	X			X	X	
20	TA123E1	Critical Reading	X		X	X			X		
21	TA124E1	Academic Reading	X		X	X			X	X	
22	TA125E1	Professional Writing	X		X	X			X		
23	TA134E1	Academic Writing	X		X	X			X	X	
Cốt lõi ngành											
24	TA210V1	Thực tập nhận thức (Work-integrated learning)			X	X			X	X	X
25	TA220E1	English Grammar	X	X	X				X		
26	TA202E1	Phonetics and phonology	X	X	X						
27	TA203E1	Syntax	X	X	X						
28	TA214E1	World literature in English	X		X	X					



TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
29	TA215E1	<i>Intercultural Communication</i>	X		X	X			X		
30	TA208E1	<i>Project 1</i>	X	X	X	X			X		
31	TA209E1	<i>Project 2</i>	X	X	X	X					
Chuyên ngành											
Chuyên ngành 1: Tiếng Anh Thương mại và Du lịch											
32	TA350E1	<i>Hospitality Skills</i>			X	X	X	X	X	X	X
33	TA349E1	<i>Translation and Interpretation</i>	X		X	X	X	X	X	X	X
34	TA313E1	<i>On-site and Tour guiding</i>	X		X	X	X	X	X	X	X
35	TA351E1	<i>English for Tourism and Restaurants</i>	X		X	X	X	X	X	X	X
36	TA353E1	<i>Multicultural Human Resource Management</i>			X	X	X	X	X	X	X
37	TA354E1	<i>Marketing Content</i>	X		X	X	X	X	X	X	
38	TA355E1	<i>Foreign Trade Techniques</i>			X	X	X	X	X	X	X
Chuyên ngành 2: Quản trị học											
39	TA356E1	<i>Kỹ năng quản trị nhân sự</i>			X	X	X	X	X	X	X
40	TA357E1	<i>Kỹ năng quản trị văn phòng</i>			X	X	X	X	X	X	X
41	TA358E1	<i>Kỹ năng biên tập văn bản</i>			X	X	X	X	X	X	X
42	TA359E1	<i>Kỹ năng đàm phán</i>			X	X	X	X	X	X	X
43	TA360E1	<i>Language and Media</i>	X		X	X	X	X	X	X	
44	TA361E1	<i>Translation and Interpretation</i>	X		X	X	X	X	X	X	X
45	TA362E1	<i>Discourse Analysis</i>	X		X	X	X	X	X	X	
Tốt nghiệp											
46	TA401V1	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X
47	TA402V1	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác

CTĐT1: Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

https://1drv.ms/u/s!Avgu8rxa_TdyhsN-LVAwE0mlcOCHhw?e=mF1Rci

CTĐT2: Đại học Quốc Tế - ĐHQG TP HCM

<https://el.hcmiu.edu.vn/chuong-trinh/ngon-ngu-anh/chuong-trinh-dao-tao/>

CTĐT3: Đại học Nha Trang

https://1drv.ms/b/s!Avgu8rxa_TdyhsN6GmInxT9CIJkA9w?e=L5403a

CTĐT4: Đại học Hoa Sen

https://1drv.ms/b/s!Avgu8rxa_TdyhsN7GO_-akfXcCfBYw?e=tqyhsH

CTĐT5: Đại học Tôn Đức Thắng

<https://admission.tdtu.edu.vn/dai-hoc/ngon-ngu-anh-f7220201>

	CTĐT1	CTĐT2	CTĐT3	CTĐT4	CTĐT5
Giáo dục tổng quát	T	T	T	T	T
Cơ sở ngành	G	T	T	T	G
Cổ lõi ngành	G	G	T	T	T
Tiếng Anh Thương mại và Du lịch			G		
Quản trị học	G				
Thực tập nhận thức	T	T	T	T	T
Thực tập tốt nghiệp	T	T	T	T	T
Khóa luận tốt nghiệp	T	T	T	T	T
Tỷ lệ nội dung tương thích	4/8	5/8	6/8	6/8	5/8
Tỷ lệ nội dung gần	3/8	1/8	1/8	0/8	1/8

G: học phần có nội dung gần

T: học phần có nội dung tương thích

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu

LỘ TRÌNH 3,5 NĂM – 11 HỌC KỲ

TT	NĂM THỨ 1	Số tín chỉ	Ghi chú	
		39		
	HỌC KỲ 1	15		
1	Speaking for daily conversations	3		AB
2	Kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	AB
3	English 1	3		AB
4	Giáo dục quốc phòng - an ninh (3 tuần)	6		AB
	HỌC KỲ 2	18		
1	Kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
2	Kỹ năng số	3		A
3	English 2	3		A
4	English 3	3		B
5	Listening for daily conversations	3		B
6	Kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	B
	HỌC KỲ 3	6		
1	English 4	3		
2	Academic Speaking	3		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
HẢI PHÒNG

TT	NĂM THỨ 2	Số tín chỉ	Ghi chú	
		35		
	HỌC KỲ 4	11		
1	Public Speaking	3		A
2	English 5	3		A
3	Academic Listening	3		A
4	Thực tập nhận thức	2		B
	HỌC KỲ 5	18		
1	English 6	3		A
2	Critical Reading	3		A
3	Pháp luật và quyền con người	3		A
4	English Grammar	3		B
5	Academic Writing	3		B
6	Academic Reading	3		B
	HỌC KỲ 6	6		
1	Giáo dục thể chất (*)	3	Tự chọn	
2	Triết học Mác - Lênin	3		
TT	NĂM THỨ 3	Số tín chỉ	Ghi chú	
		41		
	HỌC KỲ 7	19		
1	Professional Writing	3		A
2	Phonetics and phonology	3		A
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		A
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		B
5	Syntax	3		B
6	Project 1	3		B
7	World Literature in English	3		B
	HỌC KỲ 8	17		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		A
2	Intercultural communication	3		A
3	Project 2	3		A
4	On-site and tour guiding (Chuyên ngành 1)	3		B
	Kỹ năng biên tập văn bản (Chuyên ngành 2)			
5	English for tourism and restaurants (Chuyên ngành 1)	3		B
	Kỹ năng quản trị nhân sự (Chuyên ngành 2)			

6	Hospitality Skills (Chuyên ngành 1)	3		B
	Kỹ năng quản trị văn phòng (Chuyên ngành 2)			
HỌC KỲ 9		5		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
2	Translation and Interpretation (Chuyên ngành 1 + 2)	3		
TT	NĂM THỨ 4	Số tín chỉ	Ghi chú	
		15		
HỌC KỲ 10		15		
1	Multicultural Human Resource Management (Chuyên ngành 1)	3		A
	Kỹ năng đàm phán (Chuyên ngành 2)			
2	Marketing Content (Chuyên ngành 1)	3		A
	Language and Media (Chuyên ngành 2)			
3	Foreign Trade Techniques (Chuyên ngành 1)	3		A
	Discourse Analysis (Chuyên ngành 2)			
4	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (8 tuần – Đợt 1)	6		B
HỌC KỲ 11		0		
1	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (8 tuần – Đợt 2)	6		

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Các học phần tự chọn trong nhóm học phần Giáo dục tổng quát, tự chọn chuyên ngành, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng học kỳ như sĩ số sinh viên đăng ký, giảng viên, các điều kiện cơ sở vật chất.

- Tất cả các học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được duyệt và phải được cung cấp, giải thích cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

- Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

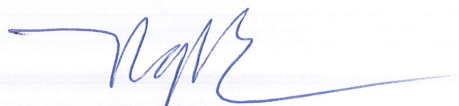
Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 39
SV năm II	40 - 74
SV năm III	75 - 112
SV năm IV	Từ 113 trở lên

- Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

- Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/ học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Khoa/ Bộ môn hướng dẫn sinh viên đăng ký các môn học bắt buộc và lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp.

P. Trưởng Bộ môn



ThS. Nguyễn Thuận Tuyết Sương

Hiệu trưởng



TS. Phạm Quốc Lộc